

Bản án số 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày 04/01/2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y-TỈNH NINH BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Phạm Thị Mai.

- Ông Đinh Quang Tuy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 04/01/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 130/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2017 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXX-ST ngày 12/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2017/QĐXX-ST ngày 28/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T sinh năm 1992; địa chỉ xóm 1B, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến C sinh năm 1988; địa chỉ xóm 1B, xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/10/2017 được bổ sung tại bản tự khai ngày 31/10/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn là chị T trình bày: Chị T và a C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 18/12/2012. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do a C hay ghen tuông mù quáng, nên hay chửi bới đánh đập chị T và xúc phạm đến bố mẹ chị T, những năm trước thỉnh thoảng vợ chồng có xảy ra va chạm, nhưng đến đầu năm 2017 mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, a C đánh chửi và xúc phạm chị T nhiều hơn, vì thế đến tháng 7/2017 thì a C đã đuổi mẹ con chị T không cho ở cùng nên chị T đã bế con về bên ngoại ở cho đến nay; chị T và a C đã được gia đình khuyên bảo về đoàn tụ nhưng do mâu thuẫn trầm trọng và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T đề nghị Tòa án xử cho chị T được ly hôn với a C. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T sinh ngày 11/9/2013, hiện cháu T đang ở với chị T và do cháu T là con gái và còn nhỏ nên chị T đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị T được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho

đến khi cháu T trưởng thành và chị T không yêu cầu a C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T, chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống và học tập của cháu T. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 31/10/2017 bị đơn là a C trình bày: A C và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N ngày 18/12/2012. Từ khi cưới cho đến nay vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T có cách sống không gia gì với gia đình a C và luôn coi thường a C, dẫn đến vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng không đến nỗi trầm trọng, nhưng không hiểu vì lý do nào mà chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối tháng 9/2017 cho đến nay, trong thời gian này chị T luôn dục a C ký đơn ly hôn và hiện nay hai bên không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn, a C không nhất trí ly hôn vì a C nghĩ đến con cái và gia đình nên a C muốn vợ chồng về đoàn tụ với nhau. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T sinh ngày 11/9/2013, hiện nay cháu T đang ở với chị T, nếu vợ chồng ly hôn a C xin được nhận nuôi cháu T kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu T trưởng thành và a C không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho chị T và a C ly hôn, giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục; a C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T; buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

Chị T khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với đối a C, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì việc khởi kiện của chị T là đúng. Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình thể hiện cả chị T và a C đều có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là a C, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là a C.

Về yêu cầu ly hôn:

Về quan hệ hôn nhân: Theo chị T và a C đều khai vợ chồng tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã N, tại giấy chứng nhận kết hôn số 134/2017 ngày 18/12/2012 do Ủy ban nhân dân xã Khánh N cấp thể hiện chị T và a C đã đăng ký kết hôn, như vậy tại thời điểm kết hôn a C đã 24 tuổi và chị T đã 20 tuổi; theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì hôn nhân giữa chị T và a C là hợp pháp.

Về lý do ly hôn: Theo chị T khai, sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 3 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do a C hay ghen tuông mù quáng, nên hay đánh chửi chị T và xúc phạm đến bố mẹ chị T, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, từ tháng 9/2017 vợ chồng sống ly thân nhau. A C cũng thừa nhận hiện tại vợ chồng đang sống ly thân, nguyên nhân là do chị T có cách sống không gia gì với gia đình a C và luôn coi thường a C, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Tại đơn xin xác của chị T và biên bản xác minh của Tòa án ngày 29/11/2017 thể hiện “Trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và a C có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau, hai bên gia đình cũng đã động viên khuyên bảo, nhưng do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng không muốn đoàn tụ và chị T đã bế con về bên ngoại ở”. Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở khẳng định trong cuộc sống vợ chồng giữa chị T và a C đã phát sinh mâu thuẫn, việc chị T bế con về bên ngoại ở điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng; a C không muốn ly hôn nhưng a C không đến Tòa án để tiến hành hòa giải và để tham gia phiên tòa chứng tỏ an Chung không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T và a C ly hôn.

Về con chung: Theo lời khai của chị T và a C, bản sao sổ hộ khẩu gia đình, biên bản xác minh của Tòa án và bản sao giấy khai sinh, thể hiện vợ chồng chị T và a C có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo T sinh ngày 11/9/2013, hiện cháu T đang ở với chị T; nguyện vọng của cả chị T và a C là đều được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T. Xét cháu T mới được 4 tuổi, hiện tại đang sống với chị T và theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 29/11/2017 Hội phụ nữ xã N có quan điểm là “nên giao cháu T cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng thì phù hợp hơn để cháu được chăm sóc, giáo dục phát triển tốt nhất”. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành, do chị T không yêu cầu a C phải cấp dưỡng nuôi con chung và chị T cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống và học tập của cháu T, nên a C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Về tài sản chung: Chị T và a C đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung và vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1 Về yêu cầu ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tiến C ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị T và a C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T, giao cháu Nguyễn Thị Bảo T sinh ngày 11/9/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành; a C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

A C có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu T được sống chung với chị T và a C có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu T; chị T không được cản trở a C trong việc thăm nom, chăm sóc cháu T.

2.3 Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0001786 ngày 26/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- UBND xã N
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực